

Bản án số: /2019/HS-ST

Ngày: 24-9-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TT H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trung

- *Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Lộc.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Nguyễn Văn Thanh

+ Ông Châu Khắc Thái

+ Bà Lê Thị Hồng Giang

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nhân Đức, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh TT H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TT H tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TT H (số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế), Tòa án nhân dân tỉnh TT H xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2019/TLST-HS ngày 06/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2019/QĐXXST-HS ngày 10/9/2019 đối với:

Bị cáo Nguyễn Thị T; giới tính: Nữ; sinh ngày 09 tháng 9 năm 1975; Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh TT H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Không; con ông: Nguyễn T (chết), con bà Nguyễn Thị X(già yếu); chồng: ông Trương Việt T, sinh năm: 1973; Có 03 con, lớn nhất 21 tuổi, nhỏ nhất 06 tuổi.

Quá trình nhân thân: Từ nhỏ ở với cha mẹ tại Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh TT H, học xong lớp 06/12 5 thì nghỉ học, ở nhà phụ giúp gia đình. Năm 1996, lập gia đình và sinh sống tại Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh TT H cho đến ngày gây án.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/7/2018 cho đến nay, có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T:* Bà Ngô Lê Khánh Ngọc, Luật sư của Công ty luật Hoàng Ngọc Thanh và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh TT H, địa chỉ: 131/02 Bà Triệu, thành phố Huế.

- *Người bị hại:*

1. Bà Huỳnh Thị Mỹ H, sinh năm 1975, trú tại: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh TT H.

2. Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1978, trú tại: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh TT H.

3. Bà Tôn Nữ Cẩm V, sinh năm 1988, trú tại: 14/4 Hồ Văn Đỗ, thị trấn Thuận An, huyện Phú Vang, tỉnh TT H.
4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969, trú tại: 43 An Dương V, phường A, thành phố H, tỉnh TT H.
5. Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1975, trú tại: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh TT H.
6. Ông Đặng Đức T, sinh năm 1976, trú tại: 04 Trương T, thị trấn T, huyện P, tỉnh TT H.
7. Bà Lê Thị Hồng L, sinh năm 1963, trú tại: 3/67 Nguyễn T, phường P, thành phố H.
8. Bà Hồ Thị D, sinh năm 1958, trú tại: 6/5 Trương T, thị trấn T, huyện P, tỉnh TT H.

Người làm chứng:

1. Bà Lê Thị Q, trú tại: Thôn A, thị trấn T, huyện P, tỉnh TT H.
2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1991, trú tại: Thôn Hòa Duân, thị trấn Thuận An, huyện Phú Vang, tỉnh TT H.
3. Bà Trương Thị N, sinh năm 1998, trú tại: Thôn Hòa Duân, thị trấn Thuận An, huyện Phú Vang, tỉnh TT H.
4. Ông Lê Văn C, sinh năm 1975, trú tại: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh TT H.
5. Ông Trương Viết T, sinh năm 1973, trú tại: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh TT H.
6. Ông Lương Văn C, sinh năm 1993, trú tại: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh TT H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Thị T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TT H truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác từ trước, nên trong khoảng thời gian từ đầu năm 2014 đến tháng 01 năm 2017, Nguyễn Thị T đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin giả là vay tiền để kinh doanh như: Mua gỗ làm xưởng cưa; mở trang trại, mua nhà, mua đất ở các tỉnh phía Nam; hùn vốn làm ăn kinh doanh với anh trai ở Mỹ... và T thỏa thuận vay tiền với lãi suất cao. Ngoài ra, T tạo lập tài khoản giả mang tên “Tony Lee” trên mạng xã hội Facebook để nhấn tin trò chuyện với tài khoản mang tên “Diamond T”, rồi nói dối là “đang cần tiền mua nhà đất và đang nuôi mẹ bị bệnh...” ở Canada nên mượn tiền. Nghe vậy, nhiều người tưởng thật, đã cho T vay mượn tiền và T đã chiếm đoạt để trả nợ, trả tiền lãi cho những người vay trước đó và sử dụng vào mục đích cá nhân, cụ thể như sau:

1. Chị Huỳnh Thị Mỹ T (sinh năm 1975, trú tại: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh TT H).

Do có mối quan hệ họ hàng với nhau, nên Nguyễn Thị T nói dối với H là kinh mua gỗ về dự trữ cho anh Trương Viết Tấn (chồng của T) làm xưởng cưa và hứa sẽ trả lãi suất cao. Tin tưởng lời nói của T, nên trong khoảng thời gian từ đầu năm 2014 đến tháng 01 năm 2017, chị H đã cho T vay mượn 06 lần (các lần vay mượn tiền và trả tiền đều không có giấy tờ thể hiện), rồi T chiếm đoạt để trả tiền nợ vay, tiền lãi cho người khác và sử dụng vào mục đích cá nhân, cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào khoảng đầu năm 2014 (không xác định thời gian cụ thể), Nguyễn Thị T nói dối với chị H là cần tiền để kinh doanh mua bán gỗ làm xưởng cưa. Tin lời nói của T là thật, nên chị H cho T vay số tiền 70.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận là 2.000.000 đồng/tháng. Đến nay, T chưa trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho chị H.

Quá trình điều tra, T khai nhận đã trả hết số tiền 70.000.000 đồng cho chị H. Tuy nhiên, T không cung cấp được giấy tờ để chứng minh và chị H cũng không thừa nhận. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có kết quả, nên không có cơ sở để kết luận về lời khai của Nguyễn Thị T. Như vậy, Nguyễn Thị T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị H số tiền 70.000.000 đồng. Hiện T chưa bồi thường cho chị H.

- Lần 2: Vào khoảng đầu năm 2015 (không xác định thời gian cụ thể), Nguyễn Thị T nói dối cần tiền để kinh doanh mua bán gỗ làm xưởng cưa. Tin tưởng lời nói của T, nên chị H đã cho T vay số tiền 240.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận là 5.500.000 đồng/tháng. Đến nay, T chưa trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho chị H.

Quá trình điều tra, T khai nhận đã trả cho chị H số tiền gốc là 150.000.000 đồng (không xác định thời gian cụ thể) và tiền lãi T không nhớ đã trả được bao nhiêu. Tuy nhiên, T không cung cấp được giấy tờ để chứng minh và chị H cũng không thừa nhận. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có kết quả, nên không có cơ sở để kết luận về lời khai của Nguyễn Thị T.

Như vậy, Nguyễn Thị T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị H số tiền 240.000.000 đồng. Hiện T chưa bồi thường.

- Lần 3: Cũng vào khoảng đầu năm 2015 (không xác định thời gian cụ thể), Nguyễn Thị T cũng với thủ đoạn gian dối nêu trên vay của chị H số tiền 120.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận 3.500.000 đồng, rồi T chiếm đoạt.

Quá trình điều tra, T khai nhận lãi suất được tính là 4.900.000 đồng/10 ngày và không nhớ số tiền lãi đã trả cho chị H. Tuy nhiên, chị H không thừa nhận. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có kết quả, nên không có cơ sở để kết luận về lời khai của Nguyễn Thị T.

Như vậy, Nguyễn Thị T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị H số tiền 120.000.000 đồng. Hiện T chưa bồi thường.

- Lần 4: Vào ngày 17 tháng 02 năm 2016, Nguyễn Thị T cũng với thủ đoạn gian dối nêu trên vay của chị H số tiền 200.000.000 đồng, với lãi suất được tính là 10.000.000 đồng/tháng. Theo lời của T, sau đó một thời gian (không xác định được thời gian cụ thể), T đã trả cho chị H số tiền gốc 200.000.000 đồng, còn tiền lãi không nhớ cụ thể đã trả bao nhiêu. Tuy nhiên, chị H khai nhận là T đã trả được số tiền gốc là 40.000.000 đồng, còn lại số tiền 160.000.000 đồng T chưa trả và tiền lãi chị H không nhớ cụ thể là T trả được bao nhiêu. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có kết quả nên không có cơ sở kết luận lời khai của T đã trả cho chị H số tiền gốc là 200.000.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị H số tiền 200.000.000 đồng. Hiện T đã hoàn trả cho chị H số tiền 40.000.000 đồng, còn số tiền 160.000.000 đồng T chưa bồi thường.

- Lần 5: Vào tháng 05 năm 2016 (không xác định ngày cụ thể), Nguyễn Thị T nói dối với chị H là cần tiền để kinh doanh mua bán nhà ở thành phố Hồ Chí Minh. Tin tưởng lời nói của T, chị H cho T vay số tiền 300.000.000 đồng. Theo lời khai của T, với lãi suất được tính là 45.000.000 đồng/tháng và sau đó một thời gian (không nhớ ngày tháng), T đã trả cho chị H số tiền gốc là 200.000.000 đồng, còn lại số tiền 100.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả và tiền lãi không nhớ cụ thể đã trả bao nhiêu.

Tuy nhiên, T không cung cấp giấy tờ để chứng minh và chị H không thừa nhận là T đã trả số tiền gốc 200.000.000 đồng, lãi suất được tính là 9.000.000 đồng/tháng và chị H không nhớ cụ thể là T đã trả được bao nhiêu tiền lãi. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có kết quả nên không có cơ sở kết luận lời khai của T đã trả cho chị H số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi.

Như vậy, Nguyễn Thị T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị H số tiền 300.000.000 đồng. Hiện T chưa bồi thường.

- Lần 6: Vào ngày 04 tháng 01 năm 2017, Nguyễn Thị T nói dối với chị H là cần tiền để kinh doanh mua bán gỗ. Tin lời nói của T, chị H tiếp tục cho T vay số tiền 100.000.000 đồng. Theo lời khai của T, lãi suất được tính là 4.000.000 đồng/tháng và sau đó một thời gian (không nhớ ngày tháng), T đã trả cho chị H số tiền gốc 100.000.000 đồng, còn tiền lãi không nhớ cụ thể đã trả bao nhiêu.

Tuy nhiên, chị H không thừa nhận là T đã trả số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất được tính là 3.000.000 đồng/tháng và đến nay T chưa trả số tiền gốc, tiền lãi. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có kết quả nên không có cơ sở kết luận về lời khai của T đã trả lãi cho chị H số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi.

Nguyễn Thị T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị H số tiền 100.000.000 đồng. Hiện T chưa bồi thường.

Như vậy, Nguyễn Thị T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị Huỳnh Thị Mỹ T 06 lần, với tổng số tiền là 1.030.000.000 đồng.

Hiện Nguyễn Thị T đã hoàn trả cho chị Huỳnh Thị Mỹ T số tiền 40.000.000 đồng. T chưa bồi thường cho chị H số tiền 990.000.000 đồng.

2. Chị Lê Thị T (sinh năm 1978, trú tại: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh TT H).

Do có mối quan hệ ở cùng làng với nhau và trước đó có tham gia chơi hụi, nên Nguyễn Thị T và chị T quen biết nhau. Do cần tiền để trả nợ, trả lãi vay cho người khác và sử dụng vào mục đích cá nhân, nên T nói dối với chị T là vay tiền mua gỗ để kinh doanh và chuyển tiền qua cho người thân ở Mỹ cho vay lại để lấy tiền lãi. Tin tưởng lời nói của T là thật, nên trong khoảng thời gian từ ngày 15/7/2015 đến ngày 02/11/2016, chị T đã cho T vay 04 lần (các lần vay mượn tiền và trả tiền đều không có giấy tờ thể hiện), rồi T chiếm đoạt, cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 15 tháng 07 năm 2015, Nguyễn Thị T nói dối với chị T là cần tiền để kinh doanh mua bán gỗ. Tin lời nói của T, nên chị T cho T vay số tiền 224.000.000 đồng. Theo lời khai của T, lãi suất được tính là 8.960.000 đồng/tháng và sau đó một thời gian (không xác định thời gian cụ thể), T đã trả cho chị T số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi 07 tháng, với số tiền là 62.720.000 đồng.

Tuy nhiên, T không cung cấp giấy tờ để chứng minh và chị T không thừa nhận T đã trả số tiền gốc 100.000.000 đồng, mà chỉ thừa nhận T đã trả cho chị T 12 tháng tiền lãi, với số tiền là 53.760.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có kết quả nên không có cơ sở kết luận lời khai của T đã trả cho chị T số tiền gốc 100.000.000 đồng và số tiền lãi suất trên.

Như vậy, Nguyễn Thị T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị T số tiền 244.000.000 đồng. Hiện T đã bồi thường cho chị T số tiền là 53.760.000 đồng, T chưa bồi thường cho chị T số tiền 170.240.000 đồng.

- Lần 2: Vào ngày 11 tháng 11 năm 2015, Nguyễn Thị T nói dối với chị T là vay tiền chuyển qua cho người thân ở Mỹ cho vay lại để lấy lãi. Tin lời nói của T, nên chị T cho T vay số tiền 200.000.000 đồng. Theo lời khai của T, lãi suất được tính là 10.000.000 đồng/tháng và sau đó một thời gian (không xác định thời gian cụ thể), T đã trả cho chị T số tiền gốc là 100.000.000 đồng, còn tiền lãi không xác định đã được trả bao nhiêu.

Tuy nhiên, T không cung cấp giấy tờ để chứng minh và chị T không thừa nhận T đã trả số tiền gốc 100.000.000 đồng, lãi suất được tính là 4.000.000 đồng/tháng. Đến nay, T đã trả tiền lãi cho chị T 12 tháng, với số tiền 48.000.000 đồng, T chưa trả số tiền gốc 200.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có căn cứ để xác định lời khai của T đã trả số tiền gốc 100.000.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị T số tiền 200.000.000 đồng.

- Lần 3: Vào ngày 20 tháng 10 năm 2016, Nguyễn Thị T nói dối với chị T là vay tiền chuyển qua cho người thân ở Mỹ cho vay lại để lấy lãi. Tin lời nói của T, nên chị T cho T vay số tiền 210.000.000 đồng. Theo lời khai của T, lãi suất được tính là 3.000.000 đồng/ngày và sau đó một thời gian (không xác định thời gian cụ thể), T đã trả cho chị T số tiền gốc 100.000.000 đồng và trả tiền lãi 90 ngày, với số tiền là 270.000.000 đồng. T chỉ còn nợ số tiền gốc 110.000.000 đồng.

Tuy nhiên, T không cung cấp giấy tờ để chứng minh và T không thừa nhận là T đã trả số tiền gốc 100.000.000 đồng, lãi suất được tính là 2.500.000 đồng/ngày và đã lấy tiền lãi 60 ngày, với số tiền là 150.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có cơ sở để kết luận lời khai của T đã trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi nêu trên cho chị T.

Như vậy, Nguyễn Thị T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị T số tiền 210.000.000 đồng. Hiện T đã bồi thường cho chị T số tiền là 150.000.000 đồng, T chưa bồi thường cho chị T số tiền 60.000.000 đồng.

- Lần 4: Vào ngày 02 tháng 11 năm 2016, Nguyễn Thị T cũng với thủ đoạn gian dối nêu trên vay của chị T số tiền 100.000.000 đồng. Theo lời khai của T, lãi suất được tính là 5.000.000 đồng/tháng và sau đó một thời gian (không xác định thời gian cụ thể), T đã trả cho chị T số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi không xác định trả được bao nhiêu.

Tuy nhiên, T không cung cấp giấy tờ để chứng minh và chị T không thừa nhận là T đã trả số tiền gốc 100.000.000 đồng, lãi suất được tính là 2.000.000 đồng/tháng và đến nay T chưa trả số tiền gốc, tiền lãi.

Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có cơ sở kết luận lời khai của T đã trả cho chị T số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi.

Như vậy, Nguyễn Thị T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị T số tiền 100.000.000 đồng. Hiện T chưa bồi thường.

Như vậy, Nguyễn Thị T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị Lê Thị T 04 lần, với tổng số tiền là 734.000.000 đồng. Hiện Nguyễn Thị T đã hoàn trả cho chị Lê Thị T số tiền 251.760.000 đồng. T chưa bồi thường cho chị T số tiền 482.240.000 đồng.

Ngoài ra, chị Lê Thị T còn khai nhận: Ngoài số tiền bị chiếm đoạt nêu trên, thì Nguyễn Thị T còn dùng thủ đoạn gian dối vay tiền 03 lần, chiếm đoạt của chị T với tổng số tiền là 812.000.000 đồng và 4.000 đô la Mỹ, T nợ tiền góp hụi là 752.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị T không cung cấp được các giấy tờ, tài liệu để chứng minh và Nguyễn Thị T không thừa nhận các khoản tiền vay, nợ tiền hụi trên. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

3. Chị Tôn Nữ Cẩm V (sinh năm 1988, trú tại: 14/4 Hồ Văn Đồng, thị trấn Thuận An, huyện Phú Vang, tỉnh TT H).

Chị Tôn Nữ Cẩm V và Nguyễn Thị T có tham gia chơi hụi và cho vay mượn tiền, nên quen biết nhau. Do cần tiền để trả nợ, trả lãi vay cho người khác và sử dụng vào mục đích cá nhân, nên Trâm nói dối với chị V là vay tiền kinh doanh mua nhà và đất. Tin tưởng lời nói của T, nên trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2016 đến ngày 12/10/2016, chị V cho T vay 02 lần, rồi T chiếm đoạt. Cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào khoảng tháng 08 năm 2016 (không xác định được thời gian cụ thể), Nguyễn Thị T nói dối với chị V là vay tiền để mua nhà và đất. Tin lời nói của T, nên chị V cho T vay số tiền 150.000.000 đồng, với lãi suất được tính là 5.000.000 đồng/tuần, nhưng không có giấy tờ vay mượn, mà chỉ thỏa thuận miệng. T đã trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng, còn tiền lãi không nhớ đã trả bao nhiêu.

Quá trình điều tra, chị V trình bày là đã cho T vay số tiền 200.000.000 đồng, không nhớ lãi suất cho vay. T đã trả cho chị V số tiền gốc 50.000.000, tiền lãi không xác định được. Tuy nhiên, chị V không cung cấp giấy tờ gì để chứng minh việc cho T vay số tiền 200.000.000 đồng và T cũng không thừa nhận. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có cơ sở để kết luận về lời khai của chị V.

Như vậy, Nguyễn Thị T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị V số tiền 150.000.000 đồng. Hiện T đã hoàn trả 50.000,000 đồng, T chưa bồi thường số tiền 100.000.000 đồng.

- Lần 2: Vào ngày 12/10/2016, Nguyễn Thị T cũng với thủ đoạn gian dối nêu trên vay của chị Tôn Nữ Cẩm V số tiền 350.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận 500.000 đồng/ngày. Do chị V muốn T trả tiền đúng hạn, nên yêu cầu T viết giấy vay tiền của ông Tôn Thất Lợi (sinh năm 1966, nơi cư trú: 47B/205 Bà Triệu, phường Xuân Phú, thành phố Huế, là bố của chị V). Theo lời khai của T, chị V lấy trước tiền lãi 100 ngày, với số tiền là 50.000.000 đồng. Đến nay, T đã trả cho chị V số tiền 280.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, nên chỉ còn nợ chị V số tiền 70.000.000 đồng.

Tuy nhiên, Nguyễn Thị T không cung cấp được giấy tờ, tài liệu có liên quan để chứng minh và chị V không thừa nhận T đã trả tiền gốc và tiền lãi trên. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có cơ sở để kết luận lời khai của của Nguyễn Thị T.

Như vậy, Nguyễn Thị T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị V số tiền 350.000.000 đồng. Hiện T chưa bồi thường.

Nguyễn Thị T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị Tôn Nữ Cẩm V 02 lần, với tổng số tiền 500.000.000 đồng. Hiện Nguyễn Thị T đã hoàn trả cho chị Tôn Nữ Cẩm V số tiền 50.000.000 đồng. T chưa bồi thường cho chị V số tiền 450.000.000 đồng.

Tang vật: Cơ quan điều tra đã thu giữ: 02 tờ giấy mượn tiền do Nguyễn Thị T viết mượn tiền của ông Tôn Thất Lợi (do chị V giao nộp).

Ngoài ra, chị Tôn Nữ Cẩm V còn khai nhận: Trong khoảng thời gian tháng 6 năm 2016 (không xác định thời gian cụ thể) và từ ngày 02/01/2017 đến ngày 07/01/2017, Nguyễn Thị T dùng thủ đoạn gian dối là cần vốn để mua gỗ kinh doanh, nên T có vay của chị V với tổng số tiền 374.000.000 đồng và nợ tiền góp hội 90.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị V không cung cấp các giấy tờ, tài liệu để chứng minh và T cũng không thừa nhận. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

4. Chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1969, trú tại: 43 đường An Dương V, phường A, thành phố H).

Nguyễn Thị T có mối quan hệ là chị em cùng cha khác mẹ với chị Nguyễn Thị H, nhưng giữa hai người lâu nay không nhìn nhận nhau. Đến khoảng tháng 6 năm 2016, khi T đến nhà chị Hoàng dự đám giỗ cha, thì hai người mới nối lại mối quan hệ.

Đến khoảng tháng 10 năm 2016, T biết chị Hoàng có con gái tên là Lê Thị Thanh T (sinh năm 1994) hiện đang du học tại Canada và có ý định muốn ở lại định cư. Do cần tiền để trả nợ cho người khác, trả lãi vay và sử dụng vào mục đích cá nhân, nên T nói dối với chị Hoàng là mình có quen biết một người tên Tony Lee (con bà Đậu, trước đây ở gần nhà T và hiện nay làm bác sĩ tại Canada) và gợi ý sẽ giới thiệu cho Lê Thị Thanh T làm quen, để sau này giúp con chị Hoàng được định cư tại Canada. Tin lời nói của T, nên chị Hoàng đưa tài khoản facebook “Diamond T” của con gái

mình cho T và nói cho Thanh T biết để làm quen. Sau đó, T dùng điện thoại di động tạo lập tài khoản facebook “Tony Lee”, rồi nhắn tin làm quen và trò chuyện qua mạng xã hội với tài khoản “Diamond T” của chị Thanh T để tạo lòng tin.

Đến đầu tháng 11 năm 2016, T dùng thủ đoạn gian dối nói với chị Hường là “Tony Lee” đang mua nhà ở Canada hết 160.000 đô la Canada, nên có vay mượn tiền của một số người bạn, nay một số người bạn đang đòi lại tiền, nên T đã cho Tony Lee vay 35.000 đô la Canada để trả và nếu chị Hường có tiền thì cho Tony Lee vay theo tỉ giá đồng đô la Canada. Đồng thời, trong khoảng thời gian này T sử dụng tài khoản facebook “Tony Lee” nhắn tin trò chuyện với Thanh T qua tài khoản facebook “Diamond T” nói dối là “đang cần tiền mua nhà đất và đang nuôi mẹ bị bệnh”, nên nhờ Thanh T tác động nói với mẹ (chị Hường) cho Tony Lee mượn tiền để trả trước và sau đó sẽ trả lại. T nói với chị Hường là nếu cho Tony Lee vay, thì đưa tiền cho T, để T đổi thành đô la Canada rồi chuyển cho Tony Lee.

Tin tưởng lời nói của T là thật và cũng qua thông tin của Thanh T, nên từ ngày 09/11/2016 đến ngày 27/11/2016, chị Hường đã đưa cho T 06 lần với tổng số tiền là 1.598.650.000 đồng (tương ứng với 95.000 đô la Canada) rồi T chiếm đoạt, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 09/11/2016, chị Hường đưa cho T số tiền 584.500.000 đồng (tương ứng với 35.000 đô la Canada);
- Lần 2: Ngày 14/11/2016, chị Hường đưa cho T số tiền 250.600.000 đồng (tương ứng với 15.000 đô la Canada);
- Lần 3: Ngày 17/11/2016, chị Hường đưa cho T số tiền 170.000.000 đồng (tương ứng với 10.000 đô la Canada);
- Lần 4: Ngày 19/11/2016, chị Hường đưa cho T số tiền 83.500.000 đồng (tương ứng với 5.000 đô la Canada);
- Lần 5: Ngày 22/11/2016, chị Hường đưa cho T số tiền 170.000.000 đồng (tương ứng với 10.000 đô la Canada);
- Lần 6: Ngày 27/11/2016, chị Hường đưa cho T số tiền 340.000.000đ (tương ứng với 20.000 đô la Canada).

Tiếp đến, vào ngày 30/12/2016, Nguyễn Thị T nói dối với chị Hường là cần vốn kinh doanh làm ăn vay của chị Hường số tiền 250.000.000 đồng, rồi T chiếm đoạt để trả nợ cho người khác và sử dụng vào mục đích cá nhân.

Đến khoảng đầu tháng 01 năm 2017, chị Hường hỏi T số điện thoại của Tony Lee để gọi nói chuyện, thì T biết anh Lê Văn Cường (sinh năm 1975, trú trú tại: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh TT H, có vợ là bà con với T) mới đi du lịch và có mang điện thoại ở Canada về sử dụng, nên T mượn điện thoại gọi mạng Viber giả giọng Tony Lee để nói chuyện với chị Hường, thì chị Hường phát hiện được nên yêu cầu T trả lại tiền. Sau đó, T thừa nhận là lập tài khoản facebook “Tony Lee” nhằm trò chuyện làm quen với tài khoản facebook “Diamond T” của Thanh T để tạo lòng tin, nhằm chiếm đoạt tài sản của chị Hường.

Như vậy, Nguyễn Thị T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H 07 lần, với tổng số tiền là 1.848.650.000 đồng. Hiện T chưa bồi thường.

Tang vật: Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 giấy nhận nợ của Nguyễn Thị T viết và 02 tờ giấy biên nhận nợ do chị Nguyễn Thị Hương viết để thống kê việc cho vay mượn tiền.

Ngày 10/7/2018, phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TT H tiến hành trích xuất dữ liệu nội dung tin nhắn (Messenger) giữa hai tài khoản Facebook có tên Diamond T tài khoản Facebook có tên Tony Lee, chi tiết được thể hiện trong 01 đĩa DVD (đã được niêm phong). Qua đó, để làm chứng cứ chứng minh, phù hợp với lời khai của Nguyễn Thị T và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra.

Ngoài ra, chị Nguyễn Thị H còn khai nhận: Cũng trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2016 đến tháng 12 năm 2016, T đặt vấn đề vay tiền của chị Hương để mua gỗ kinh doanh, làm ăn. Nên chị Hương đã cho T vay 12 lần, với tổng số tiền là 4.880.000.000 đồng, nhưng đến nay T vẫn chưa trả, lãi suất thỏa thuận là 3.000.000 đồng/100.000.000đ/tháng. Việc vay mượn không có sổ sách, giấy tờ thể hiện. Tuy nhiên, quá trình điều tra chị Nguyễn Thị H thừa nhận là Nguyễn Thị T đã trả hết số tiền này và không yêu cầu xem xét giải quyết. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

5. Chị Nguyễn Thị Thanh V (sinh năm 1975, trú tại: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh TT H).

Do có mối quan hệ quen biết hàng xóm với nhau, nên Nguyễn Thị T nói dối với chị Nguyễn Thị Thanh V là vay tiền để mua gỗ kinh doanh. Tin tưởng lời nói của T, nên trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2015 đến tháng 12 năm 2016, chị V cho T vay 05 lần (các lần vay mượn tiền và trả tiền đều không có giấy tờ thể hiện), rồi T chiếm đoạt để trả nợ, trả lãi vay cho người khác và sử dụng vào mục đích cá nhân, cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 4 tháng 7 năm 2015, Nguyễn Thị T vay của chị V với số tiền 1.900 đô la Canada, với lãi suất thỏa thuận 4.000.000 đồng/ tháng và sau đó khoảng 01 tháng, T đã tiền lãi cho chị V 4.000.000 đồng. Theo lời khai của T, tiền lãi không nhớ trả cho chị V bao nhiêu, đến nay T chưa hoàn trả chị V số tiền là 1.900 đô la Canada.

Tại công văn số: 788/TTH-THNSKSNB ngày 13/12/2018 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh TT H trả lời về việc cung cấp tỷ giá ngoại tệ, xác định tỉ giá hối đoái của 1 CAD = 17.481,05 VNĐ. Tổng số tiền 1.900 đô la Canada quy đổi thành tiền Việt Nam là 33.213.995 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị V số tiền là 33.213.995 đồng

- Lần 2: Cũng trong ngày 4 tháng 7 năm 2015, Nguyễn Thị T vay của chị V với số tiền 100.000.000 đồng, với lãi suất là 3.000.000 đồng/ tháng và T đã trả tiền lãi trước cho chị V số tiền 3.000.000 đồng (trả trong số tiền gốc). Theo lời khai của T, lãi suất

được tính là 7.000.000 đồng/tuần và sau đó một thời gian (không xác định thời gian cụ thể), T đã trả cho chị V số tiền 50.000.000 đồng, còn tiền lãi T không nhớ đã trả được bao nhiêu. Hiện T còn nợ chị V số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

Tuy nhiên, T không cung cấp giấy tờ để chứng minh và chị V không thừa nhận là T đã trả số tiền 50.000.000 đồng, mà chỉ thừa nhận tiền lãi của T trả trước là 3.000.000 đồng/tháng. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có cơ sở kết luận về lời khai của Nguyễn Thị T về việc trả cho chị V số tiền vay.

Như vậy, Nguyễn Thị T chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thanh V số tiền là 97.000.000 đồng (100.000.000 đồng – 3.000.000 đồng).

- Lần 3: Vào ngày 13 tháng 12 năm 2016, Nguyễn Thị T vay của chị V số tiền 200.000.000 đồng, với lãi suất là 5.000.000 đồng/tháng và T đã trả trước cho chị V tiền lãi là 5.000.000 đồng (trả trong số tiền gốc). Theo lời khai của T, lãi suất được tính là 7.000.000 đồng/tuần và sau đó một thời gian (không xác định được thời gian cụ thể), T đã trả cho chị V số tiền gốc là 100.000.000 đồng, còn tiền lãi không nhớ đã trả được bao nhiêu. Hiện T chỉ còn nợ chị V số tiền 100.000.000 đồng.

Tuy nhiên, T không cung cấp giấy tờ để chứng minh và chị V không thừa nhận là T đã trả số tiền 100.000.000 đồng, mà thừa nhận T đã trả tiền lãi trước là 5.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có cơ sở kết luận lời khai của Nguyễn Thị T về việc trả cho chị V số tiền gốc và lãi suất cho vay.

Như vậy, Nguyễn Thị T chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thanh V số tiền là 195.000.000 đồng (200.000.000 đồng – 5.000.000 đồng).

- Lần 4: Vào ngày 16 tháng 10 năm 2016, Nguyễn Thị T vay của chị V số tiền 150.000.000 đồng, với lãi suất 8.000.000 đồng/tháng và T đã trả lãi trước số tiền 8.000.000 đồng (trả trong số tiền gốc). Theo lời khai của T, lãi suất được tính là 5.000.000 đồng/tuần và sau đó một thời gian (không xác định thời gian cụ thể), T đã trả cho chị V số tiền gốc là 150.000.000 đồng, còn tiền lãi không nhớ đã trả được bao nhiêu.

Tuy nhiên, T không cung cấp giấy tờ để chứng minh và chị V không thừa nhận là T đã trả số tiền 150.000.000 đồng. Chị V đã nhận tiền lãi của T trả trước là 8.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có cơ sở kết luận lời khai của Nguyễn Thị T về việc trả tiền cho chị V.

Như vậy, Nguyễn Thị T chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thanh V số tiền là 142.000.000 đồng (150.000.000 đồng – 8.000.000 đồng).

- Lần 5: Vào ngày 18 tháng 12 năm 2016, Nguyễn Thị T mượn của chị V số tiền 1.000 đô la Mỹ. Theo lời khai của T, sau một thời gian (không xác định thời gian cụ thể) đã trả cho chị V số tiền 400 đô la Mỹ, hiện còn nợ chị V số tiền 600 đô la Mỹ.

Tuy nhiên, chị V chỉ thừa nhận là T đã trả số tiền 200 đô la Mỹ và còn nợ 800 đô la Mỹ. Quá trình điều tra, T không cung cấp giấy tờ gì để chứng minh. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có cơ sở để kết luận lời khai của Nguyễn Thị T về số tiền đã trả cho chị V.

Tại công văn số: 788/TTH-THNSKSNB ngày 13/12/2018 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh TT H trả lời về việc cung cấp tỷ giá ngoại tệ, xác định tỉ giá hối đoái của 1 USD = 22.144VNĐ. Tổng số tiền 1.000 đô la Mỹ quy đổi thành tiền Việt Nam là 22.144.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị T chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thanh V số tiền là 22.144.000 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Thị T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thanh V là 489.357.995 đồng.

Hiện Nguyễn Thị T đã hoàn trả cho chị V số tiền 200 đô la Mỹ quy đổi thành tiền Việt Nam là 4.288.000 đồng và số tiền 4.000.000 đồng. T chưa bồi thường cho chị V số tiền 481.069.995 đồng.

6. Anh Đặng Đức T (sinh năm 1976, trú tại: số 04 Trương T, thị trấn T, huyện P, tỉnh TT H).

Anh Nguyễn Đức Thuyên và Nguyễn Thị T có mối quan hệ cho vay mượn tiền đã nhiều lần, nên quen biết nhau. Do cần tiền để trả nợ, trả lãi vay cho người khác và sử dụng vào mục đích cá nhân, nên T nói dối với anh Thuyên là vay tiền để làm trang trại chăn nuôi, hùn vốn làm ăn với anh trai ở Mỹ. Tin tưởng lời nói của T, nên từ ngày 02 đến ngày 06 tháng 7 năm 2017, anh Thuyên đã cho T vay 07 lần (có ghi các khoản vay vào sổ tay). Cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 02 tháng 01 năm 2017, Nguyễn Thị T nói dối với anh Thuyên là vay tiền để hùn vốn làm ăn với anh trai ở Mỹ. Tin lời nói của T, nên anh Thuyên cho T vay số tiền 151.200.000 đồng, với lãi suất 1.800.000 đồng/tuần và anh Thuyên lấy tiền lãi trả trước là 1.800.000 đồng. Theo lời khai của T, lãi suất được tính là 9.000.000 đồng/tuần và T đã trả cho anh Thuyên số tiền 9.000.000 đồng, T chưa trả cho anh Thuyên số tiền gốc là 151.200.000 đồng.

Tuy nhiên, Nguyễn Thị T không cung cấp được giấy tờ có liên quan để chứng minh và anh Thuyên không thừa nhận về số tiền lãi mà T đã trả. Anh Thuyên chỉ thừa nhận tiền lãi T đã trả trước là 1.800.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có cơ sở kết luận về lời khai của T.

Như vậy, Nguyễn Thị T chiếm đoạt của anh Đặng Đức T số tiền 149.400.000 đồng (151.200.000 đồng - 1.800.000 đồng).

- Lần 2: Ngày 04 tháng 01 năm 2017, Nguyễn Thị T cũng với thủ đoạn gian dối nêu trên vay của anh Thuyên số tiền 193.500.000 đồng và lãi suất là 1.800.000 đồng/tuần và anh Thuyên lấy tiền lãi trả trước là 1.800.000 đồng. Theo lời khai của T, lãi suất được tính là 9000.000 đồng/tuần và T đã trả cho anh Thuyên số tiền 9.000.000 đồng, T chưa trả cho anh Thuyên số tiền gốc là 193.500.000 đồng.

Tuy nhiên, Nguyễn Thị T không cung cấp được giấy tờ có liên quan để chứng minh và anh Thuyên cũng không thừa nhận về số tiền lãi mà T đã trả. Anh Thuyên chỉ thừa nhận tiền lãi T đã trả trước là 1.800.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có cơ sở kết luận về lời khai của T.

Như vậy, Nguyễn Thị T chiếm đoạt của anh Đặng Đức T số tiền 191.700.000 đồng (193.500.000 đồng - 1.800.000 đồng).

- Lần 3: Trong ngày 04 tháng 01 năm 2017, Nguyễn Thị T nói dối với anh Thuyên là vay tiền để làm trang trại chăn nuôi ở tỉnh Quảng Trị. Tin lời nói của T, nên anh Thuyên cho T vay số tiền 220.000.000 đồng, với lãi suất là 2.200.000 đồng/tuần. Theo lời khai của T, lãi suất được tính là 10.000.000 đồng/tuần và T đã trả cho anh Thuyên số tiền 10.000.000 đồng, T chưa trả cho anh Thuyên số tiền gốc là 220.000.000 đồng.

Tuy nhiên, Nguyễn Thị T không cung cấp được giấy tờ có liên quan để chứng minh và anh Thuyên cũng không thừa nhận về số tiền lãi mà T đã trả. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có cơ sở kết luận về lời khai của T.

Như vậy, Nguyễn Thị T chiếm đoạt của anh Đặng Đức T số tiền 220.000.000 đồng.

- Lần 4: Cũng trong ngày 04 tháng 01 năm 2017, với thủ đoạn gian dối nêu trên Nguyễn Thị T tiếp tục vay của anh Thuyên số tiền 218.000.000 đồng, với lãi suất là 2.000.000 đồng/tuần và anh Thuyên đã lấy trước tiền lãi là 2.000.000 đồng. Theo lời khai của T, lãi suất được tính là 5.000.000 đồng/tuần và T đã trả cho anh Thuyên số tiền 5.000.000 đồng, T chưa trả cho anh Thuyên số tiền gốc là 218.000.000 đồng.

Tuy nhiên, Nguyễn Thị T không cung cấp được giấy tờ có liên quan để chứng minh và Thuyên cũng không thừa nhận về số tiền lãi mà T đã trả. Anh Thuyên chỉ thừa nhận tiền lãi T đã trả trước là 2.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có cơ sở kết luận về lời khai của T.

Như vậy, Nguyễn Thị T chiếm đoạt của anh Đặng Đức T số tiền 216.000.000 đồng (218.000.000 đồng - 2.000.000 đồng).

- Lần 5: Cũng trong ngày 04 tháng 01 năm 2017, Nguyễn Thị T nói dối với anh Thuyên là vay tiền để hùn vốn làm ăn với anh trai ở Mỹ. Tin lời nói của T, nên anh Thuyên cho T vay số tiền 80.000.000 đồng, với lãi suất là 800.000 đồng/tuần. Theo lời khai của T, lãi suất được tính là 1.600.000 đồng/tuần và T đã trả cho anh Thuyên số tiền 1.600.000 đồng, T chưa trả cho anh Thuyên số tiền gốc là 80.000.000 đồng.

Tuy nhiên, Nguyễn Thị T không cung cấp được giấy tờ có liên quan để chứng minh và Thuyên cũng không thừa nhận là T đã trả tiền lãi.

Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có cơ sở kết luận về lời khai của T.

Như vậy, Nguyễn Thị T chiếm đoạt của anh Đặng Đức T số tiền 80.000.000 đồng.

- Lần 6: Ngày 06 tháng 01 năm 2017, cũng với thủ đoạn gian dối nêu trên Nguyễn Thị T vay của anh Thuyên số tiền 80.000.000 đồng, với lãi suất 800.000 đồng/tuần. Theo lời khai của T, lãi suất được tính là 1.600.000 đồng/tuần và T đã trả cho anh

Thuyền số tiền 1.600.000 đồng, T chưa trả cho anh Thuyền số tiền gốc là 80.000.000 đồng.

Tuy nhiên, Nguyễn Thị T không cung cấp được giấy tờ có liên quan để chứng minh và Thuyền cũng không thừa nhận là T đã trả tiền lãi.

Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có cơ sở kết luận về lời khai của T.

Như vậy, Nguyễn Thị T chiếm đoạt của anh Đặng Đức T số tiền 80.000.000 đồng.

- Lần 7: Cũng trong ngày 06 tháng 01 năm 2017, Nguyễn Thị T cũng với thủ đoạn gian dối nêu trên vay của anh Thuyền số tiền 590.000.000 đồng, với lãi suất 1.180.000 đồng/tuần. Theo lời khai của T, lãi suất được tính là 9.000.000 đồng/tuần và T đã trả cho anh Thuyền số tiền 9.000.000 đồng, T chưa trả cho anh Thuyền số tiền gốc là 590.000.000 đồng.

Tuy nhiên, Nguyễn Thị T không cung cấp được giấy tờ có liên quan để chứng minh và Thuyền cũng không thừa nhận là T đã trả tiền lãi.

Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng không có cơ sở kết luận về lời khai của T.

Như vậy, Nguyễn Thị T chiếm đoạt của anh Đặng Đức T số tiền 590.000.000 đồng.

Nguyễn Thị T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của anh Đặng Đức T 07 lần, với tổng số tiền là 1.527.100.000 đồng. Hiện T chưa bồi thường.

Tang vật: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 quyển sổ ghi nợ của Nguyễn Thị T (do anh Thuyền giao nộp).

7. Chị Lê Thị Hồng L (sinh năm: 1963, trú tại: 3/67 Nguyễn T, phường P, thành phố H).

Do có mối quan hệ làm ăn với nhau, nên Nguyễn Thị T nói dối với chị Liên là cần tiền đầu tư mua nhà đất tại các tỉnh phía Nam. Tin tưởng lời nói của T là thật, nên ngày 08/01/2017 chị Liên đã cho T vay số tiền 250.000.000 đồng và hẹn đến ngày 12/01/2017 sẽ trả lại tiền gốc và tiền lãi, rồi T chiếm đoạt để trả tiền nợ, trả lãi vay cho người khác và sử dụng vào mục đích cá nhân. Việc vay tiền không có giấy tờ thể hiện và không có người chứng kiến.

Quá trình điều tra, T khai nhận: Vào ngày 09/01/2017, T đã trả hết số tiền 250.000.000 đồng cùng với tiền lãi là 1.500.000 đồng/ngày cho chị Liên, nên không còn nợ tiền của chị Liên. Tuy nhiên, T không cung cấp được giấy tờ để chứng minh và chị Liên cũng không thừa nhận. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có cơ sở để kết luận về lời khai của Nguyễn Thị T

Như vậy, Nguyễn Thị T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị Lê Thị Hồng L số tiền 250.000.000 đồng. Hiện T chưa bồi thường.

8. Bà Hồ Thị D (sinh năm 1958, trú tại: 6/5 đường Trương T, thị trấn T, huyện P, tỉnh TT H).

Nguyễn Thị T có mối quan hệ bà con với chồng của bà Hồ Thị D, nên T và bà Dĩnh có quen biết nhau. Do cần tiền để trả nợ vay, trả lãi vay cho người khác và sử dụng vào mục đích cá nhân, nên T nói dối là vay tiền để mua nhà ở thành phố Đà Nẵng cho anh trai bên Mỹ và đặt vấn đề vay tiền của bà Dĩnh. Tin tưởng lời nói của T, nên vào ngày 07/01/2017, bà Dĩnh cho T vay số tiền 297.700.000 đồng, với lãi suất là 1.200.000 đồng/ngày và T đã trả lãi trước số tiền 1.200.000 đồng. Việc vay tiền chỉ thỏa thuận bằng miệng, không có giấy tờ gì thể hiện.

Quá trình điều tra, T khai nhận: Lãi suất được tính là 2.400.000 đồng/ngày và T đã trả lãi trước số tiền 2.400.000 đồng. Đến ngày 08/01/2017, T đã trả cho bà Dĩnh số tiền 217.700.000 đồng, hiện chỉ còn nợ lại số tiền 80.000.000 đồng. Tuy nhiên, T không cung cấp được giấy tờ để chứng minh và bà Dĩnh cũng không thừa nhận. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng không có cơ sở để kết luận về lời khai của Nguyễn Thị T đã trả số tiền gốc và tiền lãi cho bà Dĩnh trên.

Như vậy, Nguyễn Thị T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của bà Hồ Thị D số tiền là 296.500.000 đồng (297.700.000 đồng – 1.200.000 đồng). Hiện T chưa bồi thường.

Tổng số tiền và ngoại tệ được quy đổi thành đồng Việt Nam mà Nguyễn Thị T dùng nhiều thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của 08 người là 6.675.607.995 đồng (Sáu tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ bảy ngàn, chín trăm chín mươi lăm đồng).

Tại bản kết luận giám định số 364/GĐ ngày 27/11/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TT H kết luận:

1. Chữ viết mang tên Nguyễn Thị T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A3.2; A3.4; A3.5 và chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3.3 so với chữ viết của Nguyễn Thị T trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M7 do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký mang tên Nguyễn Thị T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3.2 so với chữ ký của Nguyễn Thị T trên tài liệu mẫu ký hiệu M5 do cùng một người ký ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Thị T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A3.1; A3.4; A3.5 so với chữ ký của Nguyễn Thị T trên tài liệu mẫu ký hiệu M1; M5; M7 có phải do cùng một người ký ra.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi chiếm đoạt của 08 bị hại với tổng số tiền là 6.675.607.995 đồng, Nguyễn Thị T đã hoàn trả cho 04 bị hại với số tiền 350.048.000 đồng, gồm: chị Huỳnh Thị Mỹ T 40.000.000 đồng, chị Lê Thị T 251.760.000 đồng, chị Tôn Nữ Cẩm V 50.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thanh V 8.288.000 đồng. Nguyễn Thị T chưa bồi thường cho các bị hại số tiền 6.325.559.995 đồng.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS-P3 ngày 02/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TT H đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TT H giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 4 Điều 139 của Bộ

luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, s khoản 1, Điều 51; điểm g khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 16 năm đến 17 năm tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, khẳng định các hành vi và quyết định tố tụng đã được thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TT H truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2014 đến tháng 01 năm 2017, Nguyễn Thị T đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin giả là vay tiền để kinh doanh như: mua gỗ làm xưởng cưa; mở trang trại, mua nhà, mua đất ở các tỉnh phía Nam; hùn vốn làm ăn kinh doanh với anh trai ở Mỹ... và T thỏa thuận vay tiền với lãi suất cao. Ngoài ra, T tạo lập tài khoản giả mang tên “Tony Lee” trên mạng xã hội Facebook để nhắn tin trò chuyện với tài khoản mang tên “Diamond T”, rồi nói dối là “đang cần tiền mua nhà đất và đang nuôi mẹ bị bệnh...” ở Canada nên mượn tiền. Nghe vậy, nhiều người tưởng thật, đã cho T vay, mượn tiền. Với thủ đoạn trên, T đã chiếm đoạt của 08 người, với tổng số tiền là 6.675.607.995 đồng để trả nợ, trả tiền lãi cho những người vay trước đó và sử dụng vào mục đích cá nhân.

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T như vừa nêu trên đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, phạm vào điểm a, khoản 4, Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) . Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TT H đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS-P3 ngày 02/5/2019 là có căn cứ.

Đây là vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đặc biệt nghiêm trọng xảy ra trên địa bàn tỉnh TT H với tang số phạm tội rất lớn, chiếm đoạt tài sản của nhiều người, đã gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm cho nhiều gia đình bị thất thoát tài sản, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[4] Bị cáo Nguyễn Thị T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, là viên chức nhà nước, nhận thức được việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài

sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự, sẽ bị xử lý nghiêm khắc, thế nhưng do động cơ vụ lợi, muốn có tiền nhanh chóng để phục vụ nhu cầu cá nhân, nên bị cáo đã bất chấp tất cả, quyết T thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, nên cần phải xử lý nghiêm mới đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện trả lại một phần số tiền đã chiếm đoạt; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo Nguyễn Thị T được hưởng, quy định tại điểm b, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Cần xử buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường cho những người bị hại, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho chị Huỳnh Thị Mỹ T số tiền 1.030.000.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Huỳnh Thị Mỹ T số tiền 990.000.000 đồng
- Bồi thường chị Lê Thị T số tiền 482.240.000 đồng.
- Bồi thường chị Tôn Nữ Cẩm V số tiền 450.000.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền 1.848.650.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thanh V số tiền 481.069.995 đồng.
- Bồi thường cho anh Đặng Đức T số tiền 1.527.100.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Lê Thị Hồng L số tiền 250.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Hồ Thị D số tiền là 296.500.000 đồng.

Tổng số tiền phải bồi thường là: 6.325.559.995 đồng (làm tròn là: 6.325.560.000 đồng)

[7] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an tỉnh TT H có thu giữ một số tài liệu đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án. Đây là những tài liệu, chứng cứ quan trọng, làm cơ sở để giải quyết vụ án, cần cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: $112.000.000đ + (6.325.560.000 \text{ đồng} - 4.000.000.000đ) \times 0,1\% = 114.352.560 \text{ đồng}$ (làm tròn 114.353.000 đồng)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 12/7/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 585; Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Xử buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho chị Huỳnh Thị Mỹ T số tiền 1.030.000.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Huỳnh Thị Mỹ T số tiền 990.000.000 đồng
- Bồi thường chị Lê Thị T số tiền 482.240.000 đồng.
- Bồi thường chị Tôn Nữ Cẩm V số tiền 450.000.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền 1.848.650.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thanh V số tiền 481.069.995 đồng.
- Bồi thường cho anh Đặng Đức T số tiền 1.527.100.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Lê Thị Hồng L số tiền 250.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Hồ Thị D số tiền là 296.500.000 đồng.

Tổng số tiền phải bồi thường là: 6.325.559.995 đồng (làm tròn là: 6.325.560.000 đồng)

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 114.353.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật,

bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trong bản án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án này là sơ thẩm, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV27- CA tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trung